

Sử dụng tục ngữ tiếng Nga nhằm cải thiện khả năng phát âm cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Nga

Bùi Thị Thúy Nga*

Abstract

Trong quá trình học tiếng Nga như ngoại ngữ, sinh viên ngành Ngôn ngữ Nga của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhiều vấn đề về phát âm. Các vấn đề này chủ yếu liên quan đến việc phát âm các âm khó, phụ âm đuôi, tổ hợp phụ âm, trọng âm của từ và trọng âm ngữ điệu của câu. Trong nghiên cứu này, tác giả xác định các lỗi phát âm tiếng Nga thường gặp của sinh viên ngành Ngôn ngữ Nga và đưa ra giải pháp sử dụng tục ngữ tiếng Nga dưới dạng các bài tập ngữ âm nhằm khắc phục những lỗi phát âm nêu trên. Tục ngữ tiếng Nga với các phép tu từ ngữ âm như điệp âm, điệp vần, điệp thanh, tạo nhịp điệu và âm hưởng,... không chỉ giúp cải thiện việc phát âm, mà còn góp phần mở mang kiến thức về văn hóa, đất nước, con người cho sinh viên chuyên ngành tiếng Nga. Trong khuôn khổ của bài báo này, tác giả cung cấp hơn 50 câu tục ngữ tiếng Nga đã được phân loại theo mục đích sử dụng và các câu tục ngữ tiếng Việt tương đương về ý nghĩa hoặc ngữ cảnh sử dụng. Đây cũng là nguồn tư liệu tham khảo giá trị cho các nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học so sánh. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết này bao gồm: phương pháp nghiên cứu tài liệu lý luận về ngữ âm tiếng Nga và tiếng Việt; phương pháp miêu tả và so sánh nhằm làm rõ những xu hướng chuyển di tiêu cực của người Việt khi học tiếng Nga trên bình diện ngữ âm; phương pháp kiểm tra, quan sát và phân tích nhằm xác định các lỗi phát âm phổ biến của sinh viên ngành Ngôn ngữ Nga; phương pháp tìm kiếm, đối chiếu và minh họa nhằm cung cấp nguồn ngữ liệu và kỹ thuật sử dụng tục ngữ tiếng Nga để cải thiện việc phát âm tiếng Nga của người học.

Từ khóa: ngữ âm tiếng Nga, lỗi phát âm, tục ngữ Nga, chuyên ngành tiếng Nga, RKI

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Bùi Thị Thúy Nga, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: bttnga@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 23-6-2023
- Ngày chấp nhận: 18-12-2023
- Ngày đăng: 31-12-2023

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7i4.893>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

MỞ ĐẦU

Mục tiêu cuối cùng của việc giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Nga nói riêng là hình thành được năng lực giao tiếp cho người học. Việc phát âm tiếng Nga chuẩn xác không chỉ là yêu cầu cơ bản trong việc học tiếng Nga như ngoại ngữ, mà nó còn giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp, thậm chí tránh được những hiểu lầm hay xung đột phát sinh ngoài ý muốn. Tuy nhiên, một trong những rào cản lớn trong việc hình thành năng lực giao tiếp đối với người Việt học tiếng Nga chính là việc phát âm không chuẩn xác. Đây là vấn đề chung của người Việt khi bắt đầu học những ngôn ngữ đa âm tiết nói chung và tiếng Nga nói riêng. Các lỗi phát âm cơ bản và thường gặp của người học tiếng Nga liên quan đến việc phát âm

các âm khó, phụ âm đuôi trong âm tiết, tổ hợp phụ âm ở đầu hoặc cuối âm tiết, trọng âm của từ và trọng âm ngữ điệu của câu [1]. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc người Việt phát âm tiếng Nga không chuẩn xác. Tác giả Nguyễn Quý Mão (2003) đã chỉ ra một số nguyên nhân như (1) sự khác biệt rất lớn về cấu trúc âm tiết, về đoạn kết thúc âm tiết giữa tiếng Nga và tiếng Việt; (2) hiện tượng biến âm và luyện âm rất phổ biến trong tiếng Nga, nhưng lại rất ít khi gặp trong tiếng Việt,... [2, tr.37]. Để cải thiện khả năng phát âm cho người học, nhiều nhà nghiên cứu đã đề xuất và áp dụng các biện pháp khác nhau trong quá trình giảng dạy tiếng Nga. Điển hình như tác giả Lê Thị Hoài Thanh (2022) đã đề xuất một vài biện pháp như (1) giảng viên (GV) sửa trực tiếp các lỗi phát âm của sinh

Trích dẫn bài báo này: Nga B T T. *Sử dụng tục ngữ tiếng Nga nhằm cải thiện khả năng phát âm cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Nga*. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2023, 7(4):2263-2277.



viên (SV) trong giờ học; (2) sưu tầm, biên soạn bài tập luyện phát âm tiếng Nga; (3) hướng dẫn SV sử dụng các ứng dụng và phần mềm miễn phí Duolingo, LinGo Play, HelloTalk, Google Translate Listen để tự luyện tập và chỉnh lỗi phát âm;... [3, tr.448-449]. Tác giả Antonova (1988) đã sử dụng rất nhiều các trích đoạn thơ của các nhà thơ Nga trong các dạng bài tập khác nhau để rèn luyện kỹ năng phát âm tiếng Nga cho người học [4]. Qua quá trình tìm hiểu các tài liệu về phương pháp cải thiện khả năng phát âm tiếng Nga nói riêng và tiếng nước ngoài nói chung cho người Việt, tác giả nhận thấy hiện nay, hầu như không có các nghiên cứu cụ thể về các kỹ thuật luyện phát âm tiếng Nga có tính đến các đặc điểm phát âm riêng của SV Việt Nam. Dựa vào kinh nghiệm giảng dạy kỹ năng nói trên 10 năm và kết quả nghiên cứu từ luận văn thạc sĩ về tục ngữ tiếng Nga của cá nhân tác giả [5], cũng như dựa vào các nghiên cứu gần đây của một số tác giả người Nga về việc sử dụng tục ngữ để cải thiện khả năng phát âm cho người học [6] [7], tác giả nhận thấy các câu tục ngữ tiếng Nga được lựa chọn theo các tiêu chí nhất định có giá trị rất lớn trong việc rèn luyện và khắc phục các lỗi phát âm phổ biến của SV ngành Ngôn ngữ Nga (NNN). Chính vì trong các câu tục ngữ, các phép tu từ ngữ âm, như điệp âm, điệp vần, điệp thanh, tạo nhịp điệu và âm hưởng thường được sử dụng nhằm mục đích giúp người học dễ nhớ, dễ lan truyền, nên khi sử dụng các câu tục ngữ trong việc luyện phát âm, SV có thể dễ dàng thực hành phát âm các âm khó trong tiếng Nga đối với người Việt (/ш/, /щ/, /ц/, /р/, /ж/, /д', /л', /м', /н', /т',...) hoặc cải thiện ngữ điệu lời nói của mình dưới sự hỗ trợ của GV.

CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Câu hỏi nghiên cứu

Bài viết đặt ra 3 câu hỏi nghiên cứu chính sau: (1) Những lỗi phát âm phổ biến của SV ngành NNN hiện nay là gì? (2) Những câu tục ngữ Nga nào phù hợp để rèn luyện việc phát âm cho SV? và (3) Cần sử dụng các câu tục ngữ Nga đã chọn như thế nào để cải thiện khả năng phát âm cho SV? Từ đó, bài viết tập trung vào việc hoàn thành các mục tiêu sau: (1) xác định các lỗi phát âm phổ biến của SV ngành NNN; (2) trình bày phương pháp và kỹ thuật sử dụng tục ngữ Nga nhằm cải thiện khả năng phát âm cho SV thông qua các dạng bài tập; (3) sưu tập

các câu tục ngữ Nga phục vụ cho việc khắc phục các lỗi phát âm đã được xác định.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu nhằm tìm hiểu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các câu hỏi nghiên cứu trên, cụ thể là:

(1) Phương pháp nghiên cứu tài liệu lý luận về ngữ âm tiếng Nga và tiếng Việt giúp tác giả thực hiện phần tổng quan cơ sở lý luận về hệ thống âm vị, mô hình âm tiết của hai ngôn ngữ;

(2) Phương pháp miêu tả kết hợp với phương pháp so sánh được sử dụng để làm rõ một số điểm khác biệt trong hệ thống âm vị giữa tiếng Nga và tiếng Việt gây khó khăn cho người học trong việc phát âm tiếng Nga;

(3) Phương pháp kiểm tra, quan sát kết hợp cùng phương pháp phân tích giúp phát hiện và phân tích các lỗi phát âm phổ biến của SV ngành NNN của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

(4) Phương pháp tìm kiếm và đối chiếu được sử dụng để tổng hợp các câu tục ngữ Nga phù hợp cho việc luyện tập và chỉnh sửa các lỗi phát âm nhất định, đồng thời cung cấp cho SV các câu tục ngữ tiếng Việt tương đương về nội dung, giúp SV hiểu được ý nghĩa và làm quen sơ lược với các giá trị văn hóa Nga được truyền tải thông qua các câu tục ngữ;

(5) Phương pháp minh họa được áp dụng ở phần cung cấp các kỹ thuật sử dụng tục ngữ Nga thông qua các dạng bài tập khác nhau, giúp SV luyện tập, sửa lỗi và cải thiện khả năng phát âm tiếng Nga của mình.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Chuyển di tiêu cực trên bình diện ngữ âm từ tiếng Việt sang tiếng Nga và các lỗi phát âm phổ biến của SV ngành NNN

Hiện tượng chuyển di ngôn ngữ thường xuất hiện khi một người bắt đầu học một ngôn ngữ mới và quá trình lĩnh hội ngôn ngữ mới này bị ảnh hưởng bởi những kinh nghiệm, hiểu biết và thói quen của một hoặc nhiều ngôn ngữ khác đã được người học lĩnh hội trước đó.

Phan Thị Ngọc Lệ (2017), trong một nghiên cứu của mình, đã trích dẫn định

nghĩa của Odlin (1989) về hiện tượng này như sau: “chuyển di ngôn ngữ là “sự ảnh hưởng tích cực và tiêu cực do sự giống và khác nhau giữa ngôn ngữ đích và các ngôn ngữ đã được tiếp nhận khác gây ra” [8, tr.76].

Như vậy, sự chuyển di ngôn ngữ thường diễn ra theo hai xu hướng, tích cực và tiêu cực. Tác giả Lê Văn Trung (2012) đã viết: “Chuyển di tích cực là hiện tượng chuyển di những hiểu biết và kĩ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ vào quá trình học một ngoại ngữ, giúp cho việc học ngoại ngữ trở nên dễ dàng hơn, bởi vì có sự giống nhau giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ cần học” và “hiện tượng chuyển di tiêu cực (...) là do người học áp dụng không thích hợp những phương tiện, cấu trúc, quy tắc trong tiếng mẹ đẻ vào quá trình học ngoại ngữ, làm cho việc sử dụng ngôn ngữ đó bị sai lệch” [9, tr.124].

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung tìm hiểu về xu hướng chuyển di tiêu cực trên bình diện ngữ âm từ tiếng Việt sang tiếng Nga nhằm xác định các lỗi phát âm phổ biến của SV ngành NNN.

1.1. Các xu hướng chuyển di tiêu cực trên bình diện ngữ âm từ tiếng Việt sang tiếng Nga

Dựa trên kết quả nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Quý Mão (2003) [2], Khuông Thị Thu Trang (2022) [1] và Lê Thị Hoài Thanh (2022) [3], có thể phân loại các chuyển di tiêu cực trên bình diện ngữ âm từ tiếng Việt sang tiếng Nga như sau:

1.1.1. Thay thế các âm vị không tương đồng giữa tiếng Nga và tiếng Việt

Hệ thống âm vị của tiếng Việt có 14 nguyên âm (11 nguyên âm đơn, 3 nguyên âm đôi, 2 bán nguyên âm) và 22 phụ âm được thể hiện qua 29 chữ cái. Hệ thống âm vị tiếng Nga có 6 nguyên âm và 36 phụ âm được thể hiện qua 33 chữ cái. Số lượng phụ âm trong tiếng Nga nhiều hơn trong tiếng Việt, vì vậy người Việt có xu hướng:

- a) thay thế các âm vị phụ âm có trong tiếng Nga, nhưng không có trong tiếng Việt bằng một âm vị tiếng Việt gần giống. Ví dụ: /ц/ → /c/: цвет [цв’эт] → [св’эт] (цвет);
- b) thay thế âm vị có trong cả tiếng Nga và tiếng Việt bằng một âm vị khác không tương đương do thói quen phát âm trong tiếng Việt. Ví dụ: /р/ → /з/: работа [рлб’отъ] → [элб’отъ] (забота).

1.1.2. Đồng hóa tối đa âm tiết tiếng Nga theo mô hình cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Một âm tiết trong tiếng Nga có thể được hình thành từ nhiều phụ âm đầu, nguyên âm và nhiều phụ âm cuối. Ví dụ, trong từ một âm tiết **взгляд** [взгл’ат] có tổ hợp 4 phụ âm đầu [взгл’], nguyên âm [а] và 1 phụ âm cuối [т], trong âm tiết **контрстр** của từ “контрстратегия” có tổ hợp bao gồm 6 phụ âm cuối [нтрстр], đặc biệt, âm tiết **подвзбздн** của từ “подвзбзднуть” có tổ hợp bao gồm đến 7 phụ âm cuối [двзбздн].

Ngược lại, trong một âm tiết của tiếng Việt, ngoài nguyên âm, chỉ có thể có tối đa 1 phụ âm đầu và 1 phụ âm cuối. Vì vậy, khi phát âm tiếng Nga, người Việt có xu hướng:

- a) lược bỏ tối đa phụ âm đầu hoặc phụ âm cuối trong 1 tổ hợp phụ âm của 1 âm tiết tiếng Nga cho dễ đọc. Ví dụ: взгляд [взгл’ат] → [вгл’ат] (вгляд) bỏ âm /з/;
- b) thêm âm tố [ъ] vào giữa tổ hợp phụ âm cho dễ đọc. Ví dụ: Москва [млскв’а] → [млск’ъва] (thêm [ъ] vào giữa tổ hợp phụ âm [скв]).

1.1.3. Biến đổi âm cuối của âm tiết tiếng Nga theo quy tắc âm cuối của tiếng Việt

Trong tiếng Việt, theo nguyên tắc phát âm, có 13 phụ âm không bao giờ đứng ở vị trí cuối âm tiết (âm cuối). Đó là các phụ âm sau đây (Bảng 1):

Bảng 1. Danh sách các phụ âm trong tiếng Việt không đứng ở vị trí cuối âm tiết

Ký hiệu phiên âm	[b]	[d]	[ɣ]	[h]	[l]	[x]	[f]	[z]	[ʂ]	[t’]	[t]	[v]	[s]
Chữ cái thể hiện	b	đ	g/gh	h	l	kh	ph	r	s	th	tr	v	x

Nguồn: Nguyễn Quý Mão [2, tr.33]

Trong tiếng Nga, tất cả các phụ âm đều có thể đứng ở vị trí cuối âm tiết. Vì thế, khi nói tiếng Nga, người Việt có xu hướng thay thế các phụ âm ở cuối âm tiết tiếng Nga không theo quy tắc âm cuối tiếng Việt bằng các phụ âm khác. Ví dụ: thay âm /c/ → thành âm /k/: *интерéсно* [инт'и^ер'э́снъ] → [инт'и^ер'э́кнъ] (*интерéсно*), *сейча́с* [с'и^ейча́к] → [с'и^ейча́к] (*сейча́к*).

1.1.4. Không chú trọng đến trọng âm của từ

Hầu hết các nghiên cứu về những khó khăn trong việc phát âm tiếng Nga của SV Việt Nam đều khẳng định trọng âm của từ tiếng Nga là một “mê hồn trận” đối với họ. Khó khăn này tồn tại do sự khác biệt về đặc điểm loại hình của hai ngôn ngữ. Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, vì thế, các từ đơn âm tiết là hạt nhân cơ bản của từ vựng tiếng Việt. Tiếng Nga thuộc loại hình ngôn ngữ hòa kết và phần lớn từ trong tiếng Nga là từ đa âm tiết. Dù một từ tiếng Nga có nhiều âm tiết thì cũng chỉ có 1 trọng âm, nhưng người Việt có xu hướng đọc tất cả các âm tiết trong một từ đều có trọng âm, nghĩa là, cường độ và trường độ của giọng nói ở tất cả các âm tiết là như nhau. Điều này kéo theo việc người Việt sẽ bỏ qua các quy tắc biến âm trong tiếng Nga, như nhượng hóa nguyên âm (редукция), thích nghi xuôi (прогрессивная аккомодация) giữa các nguyên âm và phụ âm trong ngữ đoạn.

Trong tiếng Nga, hiện tượng nhượng hóa nguyên âm xảy ra khi âm tố bị làm yếu đi về cường độ và trường độ. Hiện tượng nhượng hóa nguyên âm do trọng âm quy định. Ví dụ, nguyên âm /o/ ở vị trí trước hoặc sau trọng âm có thể bị nhượng hoá thành [ъ] hoặc [л] (*молоко* [мъ́лкó]). Khi không tuân thủ theo nguyên tắc nhượng hóa nguyên âm, người Việt thường phát âm sai. Ví dụ: *хорошо́* [хъ́рлшó] → *хорáшó* [хъ́рáшó], tức là nhấn trọng âm ở cả âm tiết thứ 2 và thứ 3 trong từ.

Hiện tượng thích nghi xuôi là khi các nguyên âm đứng sau các phụ âm mềm bị mềm hóa. Ví dụ: nguyên âm /a/, /o/, /y/ khi đứng sau phụ âm mềm /д'/ sẽ bị mềm hóa *дат* → *дят*, *дот* → *дёт*, *дук* → *дюк*, nhưng người Việt đọc sai sẽ thành *диат* → *диот*, *дот* → *диот*, *дук* → *диук*.

Thêm vào đó, trọng âm của từ trong tiếng Nga rất tự do và linh hoạt, nó có thể

Natural Sciences: Research Article

đứng ở bất cứ âm tiết nào trong một từ. Sự linh động của trọng âm trong tiếng Nga còn được thể hiện ở chỗ nó di chuyển từ âm tiết này sang âm tiết khác, tùy vào hình thức của từ, ví dụ: *сторона́* – *сторонки́* – *стороны́*.

1.1.5. Không tuân thủ nguyên tắc hữu thanh hoá – vô thanh hóa của phụ âm trong tiếng Nga

Hiện tượng vô thanh hóa xảy ra khi:

- các phụ âm hữu thanh đứng trước bất kì phụ âm vô thanh nào trong từ. Ví dụ: *а́бсýрд* [лпсýрт] *а́втóбус* [лфтóбус].
- các phụ âm hữu thanh đứng ở vị trí cuối từ. Ví dụ: *са́д* [са́т]; *гла́з* [гла́с]; *дру́г* [дру́к]; *вдры́зг* [вдры́ск]; *гро́здь* [гро́скт'].
- phụ âm hữu thanh /в/ là giới từ đứng trước các phụ âm vô thanh. Ví dụ: *в* *шко́ле* [ф_шко́л'и^е]; *в* *це́нтре* [ф_це́нтр'и^е].

Hiện tượng hữu thanh hóa xảy ra khi:

- các phụ âm vô thanh đứng trước bất kì phụ âm hữu thanh nào trong từ. Ví dụ: *анекдо́т* [лн'и́дтот]; *во́кзал* [влѓзал].
- các phụ âm vô thanh là giới từ hoặc tiếp đầu tố đứng trước phụ âm hữu thanh của gốc từ. Ví dụ: *с* *берега* [з_б'э́р'и^егъ]; *с* *дру́гом* [з_дру́гъм]; *отбежа́ть* [лдб'и^ежа́т']. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp phụ âm vô thanh là giới từ lại không bị biến đổi khi đứng trước các phụ âm hữu thanh khác. Ví dụ: *с* *Ви́ктором* [с_в'и́ктъръм]; *с* *лимо́ном* [с_лимо́нъм]; *с* *на́ми* [с_на́м'и]; *к* *ма́ме* [к_ма́м'и]; *к* *вам* [к_вам]...

Do mô hình cấu trúc âm tiết của tiếng Việt không có sự kết hợp và ảnh hưởng lẫn nhau của các phụ âm như trong tiếng Nga, nên SV Việt Nam thường không chú trọng hoặc hoàn toàn không nhớ nguyên tắc vô thanh hóa và hữu thanh hóa phụ âm. Điều này khiến SV vừa phát âm sai, vừa bị hạn chế tốc độ nói và đọc.

1.1.6. Không chú trọng đến trọng âm ngữ điệu của câu

Ngữ điệu của câu trong tiếng Nga giúp người tham gia giao tiếp chuyển tải hoặc tiếp nhận thông tin một cách chính xác. Trong các cấu trúc ngữ điệu, việc xác định được trọng âm ngữ điệu (trong tiếng Nga gọi là trung tâm ngữ điệu) rất quan trọng. Trọng âm ngữ điệu là một âm tiết

mang trọng âm trong ngữ đoạn, dựa vào âm tiết ấy, người nói thay đổi các thành phần ngữ điệu (cường độ, cao độ, trường độ) nhằm diễn đạt một ý nghĩa nhất định. Tuy nhiên, người Việt có xu hướng “giữ nguyên vị trí và vai trò của tất cả các trọng âm trong các từ của tiếng Nga, nhưng lại chuyển đổi chúng lên giọng, xuống giọng, ngắt giọng theo kiểu thanh sắc [/] và thanh nặng [•] của âm tiết tiếng Việt, khiến cho cách phát ngôn tiếng Nga của học sinh Việt Nam thường lên xuống giọng và nhảy nhót giữa hai bình độ thanh điệu cao thấp của tiếng Việt, do đó, làm mất đi tính chất êm đềm, uyển chuyển của các âm tiết trong từng ngữ đoạn phát ngôn của tiếng Nga” [2, tr.37].

Trên đây là 6 xu hướng chuyển di tiêu cực trên bình diện ngữ âm từ tiếng Việt sang tiếng Nga của người học. Việc hiểu rõ các xu hướng này giúp việc xác định và đánh giá các lỗi phát âm thường gặp của SV ngành NNN của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM có tính hệ thống và khoa học hơn.

1.2. Các lỗi phát âm tiếng Nga phổ biến của SV ngành NNN thuộc Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Để xác định được các lỗi phát âm phổ biến của SV ngành NNN, tác giả đã thực hiện kiểm tra đánh giá khả năng phát âm của 93 SV khoa Ngữ văn Nga, trong đó có 30 sinh viên năm thứ hai, 29 sinh viên năm thứ ba và 34 SV năm thứ tư, năm thứ năm. Thời gian thực hiện đánh giá kéo dài trong suốt năm học 2022-2023. Hình thức đánh giá bao gồm 2 phần: 1) SV thực hiện bài kiểm tra đánh giá khả năng phát âm, 2) GV (tác giả) quan sát, ghi nhận và tổng hợp các lỗi phát

âm của từng SV trong điều kiện giao tiếp thông thường (trên lớp) trong khoảng thời gian dài (ít nhất là 15 tiết học) của các môn học Nói 2, Nói 3, Đọc 3, Đọc 4 và Tiếng Nga du lịch. Trong nghiên cứu này, tác giả không đánh giá lỗi phát âm của SV năm nhất do không được phân công giảng dạy đối tượng này. Vì vậy, tác giả không đủ điều kiện để thực hiện được hình thức đánh giá thứ hai.

Bài kiểm tra đánh giá khả năng phát âm của SV được tiến hành trực tiếp tại lớp, vào thời gian khởi động của mỗi buổi học và tối đa 5 SV/1 buổi học. SV được phát phiếu kiểm tra và phải thực hành phát âm trực tiếp cho GV đánh giá. Nội dung phiếu kiểm tra được xây dựng dựa theo các xu hướng chuyển di tiêu cực từ tiếng Việt sang tiếng Nga đã được trình bày ở mục 1.1. GV ghi chú các lỗi phát âm của mỗi SV trên phiếu kiểm tra, chỉnh sửa lỗi tại chỗ cho SV và thống kê, phân tích kết quả đánh giá. Mục đích của việc kiểm tra đánh giá bao gồm: 1) phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu; 2) chỉ ra các lỗi phát âm của SV; 3) chỉnh sửa lỗi trực tiếp; 4) giúp SV đạt được điểm hoạt động trên lớp.

Các lỗi phát âm tiếng Nga được phân chia thành các loại sau: 1) lỗi đặc biệt phổ biến (có trên 50% SV mắc phải); 2) lỗi khá phổ biến (có từ 20% đến dưới 50% SV mắc phải); 3) lỗi mang tính cá nhân (có dưới 20% SV mắc phải).

Bài kiểm tra đánh giá khả năng phát âm tiếng Nga của SV được phân ra thành 2 phần: 1) lỗi phát âm âm vị, âm tiết (*Bảng 2*) và 2) lỗi trọng âm, quy tắc nhuợc hóa nguyên âm và ngữ điệu (*Bảng 3*).

Bảng 2. Số liệu về lỗi phát âm âm vị, âm tiết của SV ngành NNN, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Nội dung /Hình thức đánh giá (SV đọc cho GV nghe)	Số lượng SV phát âm đúng					Số lượng SV phát âm sai				
	Năm 2	Năm 3	Năm 4, 5	Tổng số (SV)	Tỷ lệ (%)	Năm 2	Năm 3	Năm 4, 5	Tổng số (SV)	Tỷ lệ (%)
Khả năng phát âm (KNPA) âm /p/ – /p’/ - các từ: рубáшка, ребёнок, терроризм - các câu: Рóзы крáсные продаю́т на ры́нке; На чужо́й карава́й рот не рáзевáй.	22 (30)	18 (29)	25 (34)	65	69,8	8 (30)	11 (29)	9 (34)	28	30,2

Nội dung /Hình thức đánh giá (SV đọc cho GV nghe)	Số lượng SV phát âm đúng					Số lượng SV phát âm sai				
	Năm 2 (30)	Năm 3 (29)	Năm 4, 5 (34)	Tổng số (SV)	Tỷ lệ (%)	Năm 2 (30)	Năm 3 (29)	Năm 4, 5 (34)	Tổng số (SV)	Tỷ lệ (%)
KNPA âm /ц/ - các từ: ц ентр, ц веток, ц арь, ц аріца - các câu: Ц арь и ц аріца любя т ку р и ц у; Ку р и ц а не п т и ц а, П о ль ш а не за г ра н и ц а.	14	12	19	45	48,4	16	17	15	48	51,6
KNPA âm /щ/ - các từ: щ едрый, о бще ж и т и е , о во щ и, за щ и щ а т ь - các câu: Щ е л ь ю за щ и щ а л и сь д р е в н и е во и н ы ; Щ и да к а ш а – п и щ а н а ш а .	25	27	29	81	87,1	5	2	5	12	12,9
KNPA âm /ж/ - các từ: ж дать, ж ур н а л , ж а ж д а - các câu: Ж ук ж уж ж и т в ж и т н и ц е ; Д р у ж б а д р у ж б о й, а сл у ж б а сл у ж б о й .	23	25	31	79	84,9	7	4	3	14	15,1
KNPA tổ hợp phụ âm trong âm tiết - các từ: в стр е ч а , в з г л я д а , з д р а в ст в у й т е , сп о рт с м е н	15	13	22	53	57,0	15	16	12	40	43,0
KNPA các phụ âm ở cuối âm tiết - các từ: о б л и к , ав т о б у с , в о д н ый, дост и г н у т ь, см о тр е л а , уч и т е л ь , сл о в а р ь , пр о ч и т а т ь , ин т ер е с, м о ск в и ч , со щ и а л ь н ы х	10	13	17	40	43,0	20	16	17	53	57,0
KNPA từ có nhiều âm tiết (từ 4 âm tiết trở lên) SV đọc các từ sau: ме ж дуна р о д н ы й, п о зд р ав и т е л ь н ы й, ф и ло л о г и ч ес к и й , с е л ь ск о х о з я й с т в о, о б щ е с т в е н н ы й , д о ст о п р и м е ч а т е л ь н о с т ь	10	3	12	25	26,9	20	26	22	68	73,1

[Nguồn: Tác giả]

Các số liệu về lỗi phát âm âm vị, âm tiết của SV ngành NNN, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM cho thấy, lỗi đặc biệt phổ biến liên quan đến âm vị /ц/ (51,6%), âm đuôi là phụ âm /б, в, г, д, л, л', р, р', с, ф, ч, х/ (57%) và từ có nhiều âm tiết (73,1%). Các lỗi khá phổ biến liên quan đến âm vị /р/ (30,2%), tổ hợp các phụ âm (43%). Lỗi phát

âm mang tính cá nhân liên quan đến các âm vị /ж/ (15,1%) và /щ/ (12,9%).

Như đã trình bày ở trên, hình thức đánh giá lỗi phát âm thứ hai dựa trên sự quan sát trực tiếp, ghi chú, thống kê và phân tích lỗi phát âm của SV trong điều kiện giao tiếp thông thường, do tác giả thực hiện trên mỗi buổi học. Kết quả của hình thức đánh giá lỗi này không khác nhiều so với kết quả của hình thức thứ nhất, tuy nhiên, các lỗi

phát âm âm vị /ж/ và /щ/ xuất hiện thường xuyên hơn (/ж/ – khoảng 25% và /щ/ – khoảng 21%). Theo đánh giá chủ quan của tác giả, nguyên nhân của sự chênh lệch này là do SV bị phân tâm bởi nhiều yếu tố khác trong hoạt động giao tiếp bình thường, như trạng thái tâm lý, nội dung, đối tượng, môi trường giao tiếp,...

Ngoài ra, theo quan sát của GV trong các giờ học, rất nhiều SV không nhớ được các cặp phụ âm vô thanh và hữu thanh, không nắm được các nguyên tắc vô thanh hóa, hữu thanh hóa phụ âm, do đó, SV không thể tuân thủ các nguyên tắc này khi phát âm tiếng Nga.

Số lượng SV không phát âm đúng theo các quy tắc thích nghi xuôi trong tiếng Nga cũng khá nhiều. Nguyên âm khi đi sau các phụ âm mềm /д'/, /л'/, /р'/, /т'/ bị phát

âm sai nhiều nhất (trên 50%), sau các phụ âm mềm /б'/, /в'/, /з'/, /г'/, /х'/ bị phát âm sai ít hơn (khoảng 20%) và sau các phụ âm mềm /м'/, /н'/, /п'/, /с'/, /ф'/ hầu như không bị phát âm sai. Tác giả nhận thấy khi SV phát âm riêng lẻ các từ và có chủ đích để hoàn thành bài kiểm tra đánh giá theo hình thức thứ nhất, tỷ lệ mắc các “lỗi đặc biệt phổ biến” ít hơn khi giao tiếp thông thường hoặc đọc các đoạn văn bản. Điển hình là với các từ **дѐлать, летать, ребенок, институт**, dù SV đã rất quen thuộc với các từ này, nhưng vẫn phát âm sai rất nhiều (thành [дэлът'], [лэтат'], [рѐб'йоньк], [инстйтут]).

Phần 2 của bài đánh giá liên quan đến trọng âm, quy tắc nhược hóa nguyên âm và các cấu trúc ngữ điệu trong tiếng Nga. Kết quả phần đánh giá này được thể hiện ở **Bảng 3**.

Bảng 3. Số liệu về lỗi trọng âm, quy tắc nhược hóa nguyên âm và ngữ điệu của SV ngành NNN, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Nội dung /Hình thức đánh giá (SV đọc cho GV nghe)	Số lượng SV phát âm đúng					Số lượng SV phát âm sai				
	Năm 2 (30)	Năm 3 (29)	Năm 4, 5 (34)	Tổng g số (SV)	Tỷ lệ (%)	Năm 2 (30)	Năm 3 (29)	Năm 4, 5 (34)	Tổng số (SV)	Tỷ lệ (%)
<p>KNPA trọng âm và tuân thủ nguyên tắc nhược hóa nguyên âm /a/ và /o/</p> <p>SV đọc các từ: (SV đọc sai nguyên tắc dù chỉ 1 từ sẽ tính là sai)</p> <p>1. Có đánh dấu trọng âm:</p> <p>- кáрта, странá, карандаш, бараба́н авторство, задáча</p> <p>- о́бщество, водá, молоко́, я́года</p> <p>2. Không đánh dấu trọng âm:</p> <p>- Россия, автобус, площадь, бабушка, магазин, спасибо, словарь, хорошо</p>	5	2	8	15	16,2	25	27	26	78	83,8
<p>KNPA trọng âm và tuân thủ nguyên tắc nhược hóa nguyên âm /e/, /и/, /й'а/</p> <p>SV đọc các từ: (SV đọc sai nguyên tắc dù chỉ 1 từ sẽ tính là sai)</p> <p>1. Có đánh dấu trọng âm:</p> <p>- ре́зать, ре́зерв, телеви́зор, тетра́дь, ти́хий, типичный, дядя, тётя, тряси́на</p> <p>2. Không đánh dấu trọng âm:</p>	12	10	19	41	44,1	18	19	15	52	55,9

Nội dung / Hình thức đánh giá (SV đọc cho GV nghe)	Số lượng SV phát âm đúng					Số lượng SV phát âm sai				
	Năm 2 (30)	Năm 3 (29)	Năm 4, 5 (34)	Tổng số (SV)	Tỷ lệ (%)	Năm 2 (30)	Năm 3 (29)	Năm 4, 5 (34)	Tổng số (SV)	Tỷ lệ (%)
- летом, осень, весна, физика, интересный, яблоко, интонация										
Ngữ điệu 1 (ИК-1). - Студенты вернулись. (SV phải tự xác định trọng âm ngữ điệu.)	25	26	32	83	89,3	5	3	2	10	10,7
Ngữ điệu 2 (ИК-2) - Когда студенты вернулись?	25	25	29	79	84,9	5	4	5	14	15,1
Ngữ điệu 3 (ИК-3) - Студенты вернулись?	23	24	27	74	79,6	7	5	7	19	20,4
Ngữ điệu 4 (ИК-4) - Студенты вернулись. А преподаватели?	21	19	26	66	71,0	9	10	8	27	29,0
Ngữ điệu 5 (ИК-5) - Какие хорошие студенты!	18	16	23	57	61,3	12	13	11	46	38,7
Ngữ điệu 6 (ИК-6) - Какие хорошие студенты! (торжественно)	5	0	3	8	8,6	25	29	31	85	91,4
Ngữ điệu 7 (ИК-7) - Какие они хорошие студенты! (разочарованно)	5	3	12	20	21,5	25	26	22	73	78,5

[Nguồn: Tác giả]

Để đánh giá khả năng nhận biết trọng âm và tuân thủ nguyên tắc nhược hóa nguyên âm /a/ và /o/, SV được yêu cầu đọc các từ có đánh dấu trọng âm và không đánh dấu trọng âm. Kết quả là có đến 83,8% SV đọc sai ít nhất 1 từ. Đối với nguyên âm /e/, /и/, /й'а/, con số này là 55,9%. Như vậy, lỗi trọng âm của SV ngành NNN đặc biệt nghiêm trọng. Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này như sau: 1) khả năng tự trau dồi của SV kém; 2) sự linh hoạt “quá mức” của trọng âm trong tiếng Nga. Thực tế cho thấy, rất nhiều SV không có thói quen tìm kiếm và đánh dấu trọng âm của từ mới trong bài khóa thông qua từ điển, các ứng dụng hỗ trợ đánh trọng âm hay khi nghe GV đọc mẫu.

Kết quả kiểm tra khả năng phát âm đúng các cấu trúc ngữ điệu của tiếng Nga cho ra các con số như sau: 91,4% SV không phát âm đúng cấu trúc ngữ điệu 6, tiếp theo là ngữ điệu 7 (78,5%), ngữ điệu 5 (38,7%), ngữ điệu 4 (29,0%), ngữ điệu 3 (20,4%), ngữ điệu 2 (15,1%), ngữ điệu 1 vẫn có SV sai với 10,7%. Đối với nhóm ngữ điệu ИК-5,6,7, SV phát âm sai do không nhớ cấu trúc và ý nghĩa biểu cảm của các ngữ điệu này. Nguyên nhân của vấn đề này là do các cấu trúc ngữ điệu này ít gặp trong thực tế giao tiếp của SV (trên lớp và các hoạt động ngoại khóa), nên không được trau dồi thường xuyên. Đối với nhóm ngữ điệu từ ИК-1,2,3 4, SV phát âm sai chủ yếu do: 1) xác định sai

trung tâm ngữ điệu, nên vị trí bắt đầu chuyển đổi giọng bị sai; 2) không xác định trung tâm ngữ điệu, SV đọc đều đều ở tất cả các âm tiết và các từ; 3) xác định được trung tâm ngữ điệu, nhưng lại chuyển đổi giọng, theo kiểu thanh sắc [/] và thanh nặng [•] của âm tiết tiếng Việt.

Theo kết quả quan sát và ghi chú của GV trên mỗi buổi dạy, hiện tượng SV đọc hoặc nói đều đều, không xác định trung tâm ngữ điệu chiếm hơn 90%. Văn bản hoặc câu nói càng dài, mức độ phát âm đúng ngữ điệu càng giảm xuống. Khi nói một câu dài, SV duy trì giọng nói chủ yếu theo kiểu thanh nặng [•] và ngữ điệu 1. Khi tác giả yêu cầu tất cả SV nói theo mẫu câu “Я учусь в институте социальных и гуманитарных наук на факультете русской филологии на ... курсе.”, thì trên 90% SV nói với giọng kiểu thanh nặng (“~nặng”, “na ực”) ở ngay giữa câu.

Trên đây là kết quả đánh giá khả năng phát âm của SV dựa trên các cơ sở lý thuyết về sự chuyển di tiêu cực từ tiếng Việt sang tiếng Nga trên bình diện ngữ âm và dựa trên sự quan sát, ghi chú, thống kê trực tiếp của tác giả trong quá trình giảng dạy các môn học thuộc kỹ năng nói và đọc. Ở phần tiếp theo, tác giả trình bày về các đặc điểm của tục ngữ tiếng Nga trên bình diện ngữ âm, nhằm xác định tiêu chí lựa chọn các câu tục ngữ tiếng Nga và phương pháp, kỹ thuật sử dụng chúng với mục đích cải thiện khả năng phát âm cho SV.

2. Những đặc trưng về bình diện ngữ âm của tục ngữ tiếng Nga

2.1. Khái niệm tục ngữ

Theo tác giả Vũ Ngọc Phan (2016), “Tục ngữ là một câu tự diễn tả trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lý, một công lí, có khi là một sự phê phán” [10, tr.6].

Trong cuốn *Từ điển – sách hướng dẫn thuật ngữ ngôn ngữ học*, các tác giả Rosental và Telenkova (1976) đã định nghĩa về tục ngữ như sau: Tục ngữ là “một câu nói hoàn chỉnh, giàu hình ảnh, có ý nghĩa giáo huấn, thường có bố cục nhịp-ngữ điệu và ngữ âm đặc biệt (kết cấu đối xứng, nhịp điệu thơ ca, điệp âm, vần điệu, ...)” [11, tr.304].

2.2. Các biện pháp tu từ ngữ âm trong tục ngữ tiếng Nga

Là một thể loại văn học dân gian có tính biểu cảm cao, tục ngữ nói chung và tục ngữ tiếng Nga nói riêng được xây dựng dựa trên các phép tu từ ngữ âm đặc trưng của thể loại văn học này như điệp âm, tượng thanh, hài thanh, tạo vần điệu và giao hưởng,... Các biện pháp tu từ ngữ âm thường không được sử dụng đơn lẻ trong một câu tục ngữ, mà thường được kết hợp chung với nhau để tăng thêm giá trị biểu cảm.

2.2.1. Điệp âm (звуковые повторы)

Điệp âm là sự lặp lại một yếu tố ngữ âm nào đó (phụ âm đầu, vần) nhằm tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính tạo hình và diễn cảm. Những câu tục ngữ Nga có phép tu từ điệp phụ âm đầu rất thích hợp để luyện tập phát âm các phụ âm khó trong tiếng Nga đối với người Việt, như: /ш/, /щ/, /ц/, /р/, /ж/, /д', /л', /р', /г', ...

- Điệp phụ âm đầu (аллитерация): Trong câu tục ngữ “*Бережённого и Бог бережёт*” (Trời thương người tốt), phụ âm /б'/ được lặp lại 2 lần, phụ âm /б/ – 1 lần, phụ âm /р'/ và /ж/ được lặp lại 2 lần; còn trong câu “*Рыба рыку мотет, вор вора кроет*” (Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn) có 2 phụ âm đầu được lặp ở 2 vế của câu là /р/ và /в/.
- Điệp vần (ассонанс): Trong câu tục ngữ “*Нет пророка без порока*” (Nhân vô thập toàn/ Thánh nhân còn có lúc nhầm) có điệp vần nguyên âm /о/ (4 lần), âm /а/ (2 lần) và có cả điệp phụ âm /р/, /п/, /к/; trong câu tục ngữ “*Бúли Фомы за Ерёмину винú*” (Quýt làm, cam chịu) nguyên âm /и/ được lặp lại 4 lần và âm /у/ được lặp lại 3 lần làm tăng nhạc tính cho câu, giúp dễ đọc, dễ nhớ.

2.2.2. Vần điệu (рифма)

Vần điệu là sự lặp lại của những từ có âm thanh nghe giống nhau ở cuối câu. Vần điệu mang lại nhịp điệu và tính nhạc cho các câu tục ngữ. Nhờ đặc tính này, tục ngữ rất có giá trị trong việc luyện tập ngữ điệu 1 (ИК-1) và ngữ điệu 3 (ИК-3). Với cấu trúc đối xứng và thường là câu khẳng định, tục ngữ ít phù hợp để luyện các cấu trúc ngữ điệu khác. Vần điệu trong tục ngữ tiếng Nga thường được ngắt theo nhịp 2 – 3, 2 – 4, 3 – 2 hoặc 3 – 3. Khác với vần điệu trong tục ngữ

tiếng Việt được phân theo âm tiết, vần điệu trong tục ngữ tiếng Nga được phân theo từ. Ví dụ:

- *Без муки нет и науки* (Có thực mới việc được đạo) – Nhịp 2 – 3;
- *Друг имётся - так и сёрдце грётся* (Sống trong bể ngọc kim cương, không bằng sống giữa tình thương bạn bè) – Nhịp 2 – 4;
- *Щи да каша – пища наша* (Cơm tẻ mẹ ruột) - Nhịp 3 – 2;
- *Счастье на крылах, несчастье на костылях* (~ Ngày vui ngắn chẳng tày gang) – Nhịp 3 – 3;
- *От погасшего угля не добудешь огня* (~ Nghĩa cạn, tình tan) – Nhịp 3 – 3.

Vần điệu trong tục ngữ tiếng Nga còn được lặp theo vần của các từ đầu ngữ đoạn và thường theo cấu trúc каков/таков, сколько/столько và nhịp 2 – 2 hoặc 2 - 3. Ví dụ: *Какбв отец, такбв и сын* (Cha nào con nấy); *Скблько голов, стблько умбв* (Chín người mười ý).

Dựa trên các đặc điểm ngữ âm của tục ngữ tiếng Nga và các kiểu lỗi phát âm phổ biến của SV ngành NNN, tác giả xác định được những loại lỗi phát âm có thể dùng tục ngữ tiếng Nga để xử lý hiệu quả, bao gồm: 1) lỗi phát âm các âm khó /ш/, /щ/, /ц/, /р/, /ж/, /д', /л', /р', /т'/, điệp nguyên âm /а/, /о/, /э/, /у/, /ы/, /и/; 2) có vần điệu; 3) có đơn vị tục ngữ tương đương trong tiếng Việt (không bắt buộc). Nguồn để lựa chọn các câu tục ngữ tiếng Nga chủ yếu từ cuốn từ điển *Tục ngữ dân tộc Nga* của Dal (1993) [13], *Từ điển tục ngữ tiếng Nga* của Mokienko, Ermolaeva, Zainuldinov và các cộng sự (2008) [14], *Tục ngữ Nga – Việt* của Lê Đình Bích (1986) [15] và *Tục ngữ Nga và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt* của Nguyễn Tùng Cương (2004) [16].

Các phương pháp minh họa, bắt chước và đối chiếu rất phù hợp để cải thiện khả năng phát âm cho SV. Kỹ thuật sử dụng tục ngữ tiếng Nga được thực hiện thông qua các dạng các bài tập luyện phát âm.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất sử dụng tục ngữ để cải thiện khả năng phát âm của SV, vì ngoài những đặc tính về mặt ngữ âm của tục ngữ đã được trình bày ở phía trên, tục ngữ tiếng Nga còn có giá trị giới thiệu và truyền tải những đặc trưng của văn hóa, đất nước, con người Nga đến với SV. Tác giả Permyakov (1988) đã viết: “Trong ca dao, tục ngữ, cũng như trong bất kỳ thể loại văn học dân gian nào, ta đều tìm được hình ảnh phản chiếu của mọi thứ liên quan đến việc dân tộc này hay dân tộc kia sống như thế nào và phải đối mặt với những vấn đề ra sao trong suốt chiều dài lịch sử của mình. Ở đây, ta có thể thấy bộ sưu tập hiện vật dân tộc học đồ sộ, từ công cụ lao động đến quần áo trang phục, và quan sát được

đặc điểm chung của môi trường địa lý, từ cảnh quan thiên nhiên, điều kiện khí hậu, đến hệ động – thực vật; ở đây cũng lưu giữ những ký ức về các sự kiện đã qua, các nhân vật lịch sử xuất chúng, những âm vọng của các quan điểm tôn giáo cổ xưa và bức tranh chi tiết về tổ chức xã hội hiện đại” [12, tr. 19]. Như vậy, khi sử dụng tục ngữ tiếng Nga để cải thiện khả năng phát âm, SV đồng thời được tiếp xúc và thấm thấu các giá trị văn hóa Nga. Đây là lợi ích không thể phủ nhận của phương pháp này.

3. Phương pháp sử dụng tục ngữ Nga nhằm cải thiện khả năng phát âm tiếng Nga của SV ngành NNN

Dựa trên các nghiên cứu lý thuyết đã được trình bày ở mục 1 và 2, tác giả xác định tiêu chí lựa chọn các câu tục ngữ tiếng Nga để khắc phục lỗi phát âm cho SV như sau: 1) có biện pháp điệp phụ âm /ш/, /щ/, /ц/, /р/, /ж/, /д', /л', /р', /т'/, điệp nguyên âm /а/, /о/, /э/, /у/, /ы/, /и/; 2) có vần điệu; 3) có đơn vị tục ngữ tương đương trong tiếng Việt (không bắt buộc). Nguồn để lựa chọn các câu tục ngữ tiếng Nga chủ yếu từ cuốn từ điển *Tục ngữ dân tộc Nga* của Dal (1993) [13], *Từ điển tục ngữ tiếng Nga* của Mokienko, Ermolaeva, Zainuldinov và các cộng sự (2008) [14], *Tục ngữ Nga – Việt* của Lê Đình Bích (1986) [15] và *Tục ngữ Nga và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt* của Nguyễn Tùng Cương (2004) [16].

Các phương pháp minh họa, bắt chước và đối chiếu rất phù hợp để cải thiện khả năng phát âm cho SV. Kỹ thuật sử dụng tục ngữ tiếng Nga được thực hiện thông qua các dạng các bài tập luyện phát âm.

3.1. Các dạng bài tập luyện phát âm tiếng Nga

Do đặc thù của việc luyện phát âm, nên bài tập cho SV ở dạng hoạt động này chủ yếu là nghe và lặp lại theo GV, đọc thành tiếng và ghi nhớ. Ngoài ra, có thể sử dụng một số bài tập dạng trò chơi để việc luyện tập thêm thú vị. Dựa theo các nghiên cứu của Antonova (1998) [4] và Bryzgunova (1981) [17], tác giả phân ra 2 dạng bài tập phù hợp với mục tiêu khắc phục các lỗi phát âm cho SV: 1) Bài tập luyện phát âm các âm khó và trọng âm của từ tiếng Nga; 2) Bài tập luyện ngữ điệu.

3.1.1. Dạng bài tập luyện phát âm các âm khó và trọng âm của từ tiếng Nga

Tùy theo mục đích rèn luyện hay khắc phục lỗi phát âm âm vị nào, mà GV sẽ lựa chọn các câu tục ngữ ở mục 3.2 để thay thế. Bài tập mẫu dưới đây nhằm mục đích sửa lỗi phát âm âm /p/.

Bài tập 1: Hãy nghe và lặp lại theo GV.

труд, человека, кормит, лён, портит.

- Труд человека ко³рмит, а лён по³ртит (Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ).

Ở dạng bài tập này, GV đọc trước từng từ trong câu tục ngữ, SV lặp lại. Sau đó, GV đọc cả câu tục ngữ và SV lặp lại (3 lần). Có thể vận dụng nhiều câu tục ngữ khác nhau trong mục 3.2 của nghiên cứu này để thay đổi ngữ liệu. Cuối cùng, GV giải thích nhanh về câu tục ngữ tiếng Nga bằng lời nói của mình hoặc yêu cầu SV tìm một câu tục ngữ tiếng Việt tương đương. Dạng bài tập này có thể dùng để luyện phát âm các âm khó, phụ âm đuôi của âm tiết, tổ hợp phụ âm hoặc các cấu trúc ngữ điệu 1 và 3.

Bài tập 2: Hãy nghe và đánh dấu trọng âm lên các từ trong câu tục ngữ, sau đó đọc to trước lớp.

- Без муки нет и науки (Có thực mới vực được đạo)
- Не имей сто рублей, а имей сто друзей (Giàu tiền giàu bạc không bằng giàu bạn giàu bè)
- Терпение и труд все перетрут (Có công mài sắt có ngày nên kim)

Khi SV đã được làm quen với một số câu tục ngữ tiếng Nga, có thể áp dụng bài tập dạng trò chơi. Ở dạng bài tập này, SV được tách làm các nhóm nhỏ (4-5 SV/nhóm), mỗi nhóm được phát một phong bì có chứa các mảnh giấy. Trên mỗi mảnh giấy ghi một nửa của các câu tục ngữ tiếng Nga đã được học. Nhóm nào tìm được hai nửa của một câu tục ngữ thì đọc to trước lớp. Nếu đúng (cả về nội dung và phát âm) thì được ghi nhận, nếu sai thì các nhóm khác tiếp tục. Nhóm thắng cuộc là nhóm ghép được nhiều câu tục ngữ đúng nhất, nhanh nhất và phát âm chính xác nhất (Bài tập 3).

Bài tập 3: Hãy tìm một nửa còn thiếu của các câu tục ngữ và đọc to trước lớp.

1. Труд человека кормит,

2. Без муки
3. Друг имётся,
4. Ци да каша
5. Счастье на крылэх,
6. От погасшего угля

- a) так и сёрдце грётся.
- б) пицца наша.
- в) нет и науки.
- г) несчастье на костылэх.
- д) не добудешь огня.
- е) а лён портит.

Khi thực hiện bài tập này, nếu SV đọc sai âm, trọng âm và ngữ điệu, GV phải chỉnh lại cho đúng. Sau khi các nhóm hoàn thành trò chơi, GV đọc và SV lặp lại theo GV tất cả các câu tục ngữ.

Bài tập 4: Hãy lắng nghe các câu tục ngữ và chú ý đến cách phát âm âm vị /u/. Lặp lại theo GV và ghi lại giọng đọc của mình vào máy thu âm.

- Невелика птуца – синица, да умница (Nhỏ nhưng có võ);
- Птенёц – у птуцы, юнец – у отця (Trẻ con, già con).

Khi thực hiện dạng bài tập ghi âm giọng nói, SV sẽ nghe được giọng đọc của mình và so sánh với GV, từ đó tự nhận ra những hạn chế trong cách phát âm của chính mình. Đây là kỹ thuật rất có giá trị, bởi chỉ khi chúng ta nhận ra được lỗi, thì quá trình sửa lỗi mới thực sự bắt đầu.

Bài tập 5: Hãy đọc phiên âm và viết lại các câu tục ngữ sau.

[мал зълт'н'ик, дъ дорък.] (Ключ: Мал золотник, да дорог.)

[ккóф л'эт, тлóф и сын.] (Ключ: Какóв отец, такóв и сын.)

[кудá игóлкъ тудá и н'йткъ.] (Ключ: Кудá игóлка, тудá и н'йтка.)

Dạng bài tập này phù hợp với môn học ngữ âm tiếng Nga, giúp SV biết cách đọc phiên âm và có thể tự phiên âm các câu tục ngữ khác.

3.1.2. Dạng bài tập luyện ngữ điệu

Bài tập 1: Hãy nghe các câu tục ngữ sau, chia ngữ đoạn và xác định loại ngữ điệu.

- Азбуки не знает, а читать садится.
- Аппетит приходит во время еды.
- Артель дружкой крепка.

Dạng bài tập này giúp SV xác định được các ngữ đoạn, trung tâm ngữ điệu của câu, từ đó sẽ đọc trôi chảy hơn và diễn đạt được đúng nội dung muốn truyền tải của câu. Sau khi SV làm bài tập dạng này, GV có thể yêu cầu SV tìm các câu tục ngữ tiếng Việt tương đương.

Bài tập 2: Hãy chọn các câu tục ngữ tiếng Việt tương đương với các câu tục ngữ tiếng Nga ở bài 1 trong số các câu dưới đây và đọc to câu tục ngữ tiếng Nga.

- Chưa học bò đã lo học chạy.
- Người không học như ngọc không mài.
- Vào cuộc mới ham.
- Thuận bè thuận bạn, tát cạn biển đông.
- Làm ra làm, chơi ra chơi.

Bài tập 3: Hãy chia ngữ đoạn và xác định loại ngữ điệu, sau đó hãy đọc lại đoạn văn.

Пословица “Мал золотник, да дорог” говорится о том, что несмотря на скромный и весьма заурядный внешний вид, человек обладает качествами, за которые его можно ценить и уважать.

Hoặc: Пословица “Аппетит приходит во время еды” говорится в том случае, когда у вас нет охоты делать какое-либо дело. Но как только вы начнёте дело, так желание его продолжать обязательно придёт само к вам.

3.2. Các câu tục ngữ tiếng Nga nhằm luyện phát âm cho sinh viên.

Nội dung của mục này nhằm cung cấp nguồn ngữ liệu đã được phân loại theo mục đích sử dụng, giúp GV hoặc SV có ngữ liệu để thay thế vào các dạng bài tập đã được trình bày phía trên.

• Các câu tục ngữ tiếng Nga để luyện âm /ц/

- Невелика птица – синица, да умница (*Nhỏ mà có võ*);
- Лыстец – что змея под цветами (*Khẩu Phật, tâm xà/Miếng nam mô, bụng bõ dao găm*);
- Молодец против овёц, а против молодца сам овца (*Nịnh trên, nạt dưới*);
- Курица не птица, Польша не граница;
- Всяк молодец на свой образец (*Mỗi người đẹp mỗi vẻ*);

– Птенёц – у птицы, юнец – у отца (*Trẻ cậy cha, già cậy con*).

• Các câu tục ngữ tiếng Nga để phân biệt các âm /с/-/ц/-/ш/

- На вкус и цвет товарища (товарищей) нет;
- Солнце сияет, а месяц (луна) только светит (~*Mặt trời – nguồn sống, niềm tin và hy vọng*);
- Кашу маслом не испортишь (*Càng nhiều càng tốt*).

• Các câu tục ngữ tiếng Nga để luyện âm /ш/

- Шутка шуткой, а дело делом (*Chơi ra chơi, làm ra làm*);
- Шить не будешь, портным не станешь (*Muốn hành nghề, chẳng nề học hỏi*);
- Кошке игрушки, а мышке слёзки (*Kẻ khóc người cười*);
- Шила в мешке не утаишь (*Cái kim trong bọc có ngày lòi ra*);
- Хороша кашка, да мала чашка (*Ăn chẳng bõ dính răng*);
- Шубка – зимой не шутка.

• Các câu tục ngữ tiếng Nga để luyện âm /р/

- На чужой каравай, рот не разевай, а пораньше вставай да свой затевай (*Có làm thì mới có ăn, không dung ai để đem phần đến cho*);
- Без труда не вынешь рыбку из пруда (*Muốn ăn cá, phải thả câu*);
- Раньше смерти не умрёшь (*Sống chết có số*);
- Старость – не радость (*Bảy mươi chưa què, chín khoe rằng tốt*);
- Пророк не пророк, а что скажет, то и сбудется (то и будет);
- Труд человека кормит, а лень портит (*Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ*).

• Các câu tục ngữ tiếng Nga để luyện âm /ж/

- Без бумажки ты букашка, а с бумажкой ты человек (*Có học mới thành tài*);
- Бережённого и Бог бережёт (*Trời thương người tốt*);

- Дружба дружбой, а служба службой (Làm ra làm, chơi ra chơi);
- Жалуёт царь, да не жалуёт псарь (Lệnh vua còn thua lệ làng);
- Как поживёшь, так и прослывёшь (Hôm chết để da, người ta chết để tiếng);
- Жалеть мешка – не видать дружка (Tiếc của mất bạn);
- Изжил нужды, забыл и дружбу (Qua cầu rút ván, ~Qua cơn hoạn nạn, quên bạn quên bè).

• **Các câu tục ngữ tiếng Nga để luyện các nguyên âm theo quy tắc nhược hóa**

- От одного слова да навек ссора (Roi song đánh đoạn thời thôi, một lời xiết cạnh muôn đời chẳng quên);
- Семеро с ложкой, один с сошкой (Một thằng đứng đàng, cả làng nhấm ăn);
- Скоро сказка сказывается, да не скоро дело делается (Nói hay, cày dở);
- Деревья скоро сáдят, да не скоро с них плод éдят (~Trồng cây trồng ngày hái quả);
- Скоро проживáется, не скоро наживáется (Vào lỗ hà, ra lỗ hồng);
- У Фíли пíли, да Фíлю бíли (Ăn cháo đá bát);
- И горóю в лес, и под горóю в лес, и лéсом в лес (Muôn phương hội tụ);
- Из больш́их хорóм — не знаём, куда попадём;
- В наш огорóд и камéнья бросáют;
- Идт́и в коробéйку, да доставáть копéйку;
- Зóлото не зóлото, не быв (не побывáв) под мóлотом (Lửa thử vàng, gian nan thử sức).

• **Các câu tục ngữ tiếng Nga để luyện ngữ điệu**

- Один с сошкой, (а) семеро – с ложкой (Một thằng đứng đàng, cả làng nhấm ăn);
- Ско́лько голо́в, сто́лько (и) умóв (Chín người, mười ý);

- Како́ва берё́жка, тако́ва и отрóстка (Rau nào sâu nấy);
- Бог дал, Бог и взял (Của thiên trả đũa);
- Не красна изба углами, а красна пирогами (Nhà rộng không bằng tấm lòng rộng);
- Не имéй сто рублéй, а имéй сто друзéй (Giàu tiền giàu bạc không bằng giàu bạn giàu bè);
- Без со́ли, без хлéба хýдая бесéда (Miếng trầu là đầu câu chuyện);
- Без отцá полсироты́, а без ма́тери и вся сиротá (Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi má liếm lá đầu đường).

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV ngành NNN gặp trở ngại lớn khi phát âm 1) các âm vị tiếng Nga khó đối với người Việt; 2) tổ hợp phụ âm chứa nhiều âm vị; 3) các từ nhiều âm tiết; 4) các phụ âm vô thanh và hữu thanh dưới sự chi phối của hiện tượng đồng hóa ngược; 5) trọng âm của từ, trong đó có quy tắc nhược hóa nguyên âm, quy tắc thích nghi xuôi giữa nguyên âm và phụ âm mềm; 6) ngữ điệu của câu, đặc biệt là ngữ điệu 6 và 7. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tục ngữ tiếng Nga có lợi thế lớn trong việc sửa lỗi phát âm phổ biến nói trên của SV ngành NNN. Những mẫu bài tập và danh sách các câu tục ngữ tiếng Nga được tác giả lựa chọn theo tiêu chí khắc phục từng lỗi phát âm riêng biệt có thể giúp GV và SV tham khảo để áp dụng vào trong quá trình giảng dạy tiếng Nga như ngoại ngữ hoặc tự luyện tập. Ngoài ra, các câu tục ngữ tiếng Việt tương đương với các câu tục ngữ tiếng Nga về ý nghĩa hoặc ngữ cảnh sử dụng được tác giả sưu tầm và trình bày trong nghiên cứu này giúp SV hiểu được ý nghĩa của các câu tục ngữ Nga, là nguồn tư liệu tham khảo giá trị cho các nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học so sánh.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ từ 93 sinh viên ngành Ngôn ngữ Nga của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong suốt năm học 2022-2023.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

SV: Sinh viên

GV: Giảng viên
NNN: Ngôn ngữ Nga
ĐH KHXH&NV: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
KNPA: Khả năng phát âm

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả đảm nhiệm viết toàn bộ các phần trong bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khuông Thị Thu Trang. Những khó khăn trong việc học phát âm tiếng Nga và giải pháp khắc phục. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (UNC): Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội. 2022; 1:508-514.
2. Nguyễn Quý Mão. Âm tiết Nga, Việt và cách khắc phục chuyển di tiêu cực. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN. Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. 2003;19(1):30-39.
3. Lê Thị Hoài Thanh. Sửa lỗi phát âm tiếng Nga cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang - thực trạng và biện pháp. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (UNC): Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội. 2022; quyển 1:439-49.
4. Антонова ДЛ. Фонетика и интонация: корректировочный курс для зарубежных преподавателей. Москва: Русский язык. 1988.
5. Буй Тхи Тху Нга. Паремииологические параллели при обучении русскому языку вьетнамских учащихся [Магистерская диссертация]. Государственный институт русского языка имени А. С. Пушкина. 2009.
6. Савостькина, МИ. Роль пословиц и поговорок в развитии произносительных навыков и грамматики родного (мокшанского) языка. Осовские педагогические чтения "Образование в современном мире: Новое время - Новые решения", Мордовский государственный педагогический институт им. М. Е. Евсевьева. 2014; №1:513-517.
7. Хабибулина, ЭА и Гладий, АА. Потенциал пословиц и поговорок как средство совершенствования слухо-произносительных навыков. Вестник

Сургутского государственного педагогического университета. 2020; №4(67).

<https://cyberleninka.ru/article/n/potentsial-poslovits-i-pogovorok-kak-sredstvo-sovershenstvovaniya-sluho-proiznositelnyh-navykov>.

8. Phan Thị Ngọc Lệ. Nghiên cứu sự chuyển di tiêu cực về phạm trù số trong danh từ từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài. 2017; Tập 33(2):75-89.

9. Lê Văn Trung. Bước đầu tìm hiểu hiện tượng chuyển di ngôn ngữ từ Việt sang Hán. Tạp chí Khoa học ĐHSP TP HCM. 2012; Số 35:123-130.

10. Vũ Ngọc Phan. Tục ngữ ca dao Việt Nam. TP HCM: Nhà xuất bản Văn học, 2016; p.6.

11. Розенталь ДЭ, Теленкова МА. Словарь-справочник лингвистических терминов. Москва: Просвещение, 1976; Изд. 2-е.; http://www.gumer.info/bibliotek_Buks/Linguist/DicTermin/je.php

12. Пермяков ГЛ. Основы структурной паремииологии. Москва: Наука Глав. ред. восточной лит-ры; 1988.

13. Даль В.И. Пословицы русского народа в 3-х томах. Москва:Русская книга; 1993.

14. Мокиенко ВМ, Ермолаева ЮА, Зайнульдинов АА. Словарь русских пословиц:ок. 1000 единиц. Москва: Астрель. 2008;(3).

15. Lê Đình Bích. Tục ngữ Nga – Việt. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. 1986.

16. Nguyễn Tùng Cương. Tục ngữ Nga và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt. Hà Nội: Nhà xuất bản ĐHQGHN. 2004.

17. Брызгунова ЕА. Звуки и интонация русской речи. Москва:Русская книга. 1981.

Using Russian proverbs to improve pronunciation skills for Russian-majored students

Bui Thi Thuy Nga*

ABSTRACT

In the process of learning the Russian language as a foreign language, Russian-majored students at the University of Social Sciences and Humanities, Viet Nam National University Ho Chi Minh City are found to have problems in the Russian pronunciation. These problems are mainly related to the pronunciation of difficult sounds, tail consonants, consonant combinations, word stress, and intonation stress of sentences. In this study, the author identifies the common Russian pronunciation errors of Russian-majored students and offers the solutions to use Russian proverbs in the form of phonetic exercises to overcome the above-mentioned pronunciation errors. The Russian proverbs with phonetic rhetoric, including alliteration, rhythm, resonance, etc., not only help improve pronunciation, but also contribute to expanding students' knowledge about Russian culture and people. In this article, the author has provided more than 50 Russian proverbs classified by their purpose of use and equivalent Vietnamese proverbs in terms of meaning or context of use. This is also a valuable reference source for research in the field of comparative linguistics. The research methods used in this article consist of the theoretical document research method on the Russian and Vietnamese phonetics; the descriptive and comparative methods to clarify the negative movement trends of Vietnamese people when learning the Russian phonetics; the methods of testing, observation and analysis to identify the common pronunciation errors of Russian-majored students; and the methods of search, comparison, and illustration to provide linguistic resources and techniques for using Russian proverbs to improve learners' Russian pronunciation.

Key words: Russian phonetics, pronunciation errors, Russian proverbs, Russian major, Russian as a foreign language

University of Social Sciences and
Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Bui Thi Thuy Nga, University of Social
Sciences and Humanities, VNUHCM,
Vietnam

Email: bttnnga@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 23-6-2023
- Accepted: 18-12-2023
- Published Online: 31-12-2023

DOI : <https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7i4.893>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nga B T T. Using Russian proverbs to improve pronunciation skills for Russian-majored students. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2023, 7(4):2263-2277.